

KIỀU THANH QUẾ VỚI CHUYÊN KHẢO BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC

ĐỖ THỊ THU HUYỀN*

Trong tiến trình phát triển và hiện đại hóa văn học Nam Bộ những năm đầu thế kỷ XX, Kiều Thanh Quế là một trường hợp đặc biệt với vị trí đáng kể. Bài viết chỉ ra một số đặc điểm của công trình Ba mươi năm văn học để thấy được đóng góp của ông trong việc “tính sổ văn học”, thấy được phong cách phê bình cũng như vai trò của công trình trong diện mạo văn học Nam Bộ đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Kiều Thanh Quế, Ba mươi năm văn học, văn học Nam Bộ

Nhận bài ngày: 9/10/2019; *đưa vào biên tập:* 13/10/2019; *phản biện:* 20/11/2019; *duyet đăng:* 12/2/2020

Kiều Thanh Quế (1914 - 1948), còn có các bút danh Mộc Khuê, Quế Lang, Tô Kiều Phương, Nguyễn Văn Hai. Ông là một trong những nhà văn, dịch giả, nhà phê bình có công đầu gây dựng nền văn học hiện đại Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX với chủ trương và phương pháp rõ ràng.

Kiều Thanh Quế được ghi nhận là “Nhà phê bình văn học hiếm có của Nam Bộ” (Hoài Anh, 2001: 923-939), “Kiều Thanh Quế có thể coi như nhà phê bình văn học chuyên nghiệp duy nhất của văn học Nam Bộ” (Đoàn Lê Giang, 2006: 3-15)... Với kiến văn phong phú về văn học sử, bút lực dồi dào, Kiều Thanh Quế đã để lại một lượng tác phẩm đồ sộ và phong phú các thể loại như tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện ký; viết nghiên cứu, phê bình, biên khảo, trao đổi, đọc sách, điểm sách, dịch thuật... Các công

trình của Kiều Thanh Quế có thể kể đến: *Hai mươi tuổi* (tiểu thuyết, 1940), *Đưa con của tội ác* (truyện ngắn, 1941), *Ba mươi năm văn học* (phê bình, 1941), *Phê bình văn học* (1942), *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* (1943), *Đàn bà và nhà văn* (1943), *Học thuyết Fried* (khảo luận, 1943), *Thi hào Tagore* (khảo luận, 1943), *Một ngày của Tolstoi* (khảo luận), *Vũ Trọng Phụng và chủ nghĩa tả thiêt xã hội* (1945)...

Ba mươi năm văn học (1941) là cuốn sách thể hiện được sự bao quát nhiều thể loại văn học, kiểm kê *tính sổ* văn học với lối phê bình hiện đại, đưa đến một cái nhìn hệ thống về các vấn đề văn học sử trong một khoảng thời gian dài.

Qua *Ba mươi năm văn học* cho thấy sự đóng góp to lớn của Kiều Thanh Quế, trong việc “tính sổ văn học” - thống kê văn học quốc ngữ trong vòng ba mươi năm (1914 - 1941), qua đó

* Viện Văn học.

cho thấy diện mạo văn học Nam Bộ đầu thế kỷ XX.

Công việc kiểm kê để tính số văn học

Trong “Lời nói đầu”, Kiều Thanh Quế định danh công việc được thực hiện trong sách: “Công việc chúng tôi hôm nay ở đây chỉ là công việc ‘tính số văn học’ – một công việc mà Trương Tửu đã có lần thi hành trong *Mùa gặt mới* số 2 ra năm 1941 và cũng là công việc chúng tôi đã thử phác qua trên *Đông Dương tuần báo* ở Sài Gòn hồi tháng Avril 1940.

Tính số văn học, đó là công việc của những bài báo, lẽ ra không nên cho in thành sách. Nhưng thiên nghĩ: sẽ khó khăn biết bao nhiêu sau này cho nhà văn học sử, nếu ông ta muốn tìm mà không ra một bản thống kê văn học quốc ngữ trong vòng ba mươi năm nay.

Thế nên chúng tôi mạo muội trình bày ra đây bản thống kê văn học quốc ngữ từ năm 1914 đến 1941” (Kiều Thanh Quế, 2009: 174)...

Và như lời thưa trước của tác giả, ông đã “tính số” tất cả các thể loại chính của ba mươi năm văn học với những phân tích, luận bàn, dẫn dụ, điểm danh... xác đáng.

Với thơ ca, Kiều Thanh Quế kiểm kê 32 tác giả gây chú ý với những tác phẩm tiêu biểu, mà trong số đó, hầu hết đều là những nhân vật lẫy lừng trên văn đàn như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Anh Thơ, Vũ Hoàng Chương, Chế Lan Viên, Hàn

Mặc Tử... Và ông cũng không quên gọi tên nhiều thi sĩ tuy chưa có tác phẩm ra đời, nhưng tài năng đã phát huy rõ rệt trên báo chí: J-Leiba Thanh Tùng Tử, Tchya, Thái Can, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân...

Với báo chí, ông cụ thể hóa bằng cách phân chia khu vực: “Ở Bắc Hà, sau khi hai tờ *Ngày nay* và *Chủ Nhật* nổi gót *Phong Hóa* từ trần, bên cạnh *Tiểu thuyết thứ Bảy*, có lẽ *Trung Bắc Chủ nhật* là tờ báo chạy nhứt. Người ta đồn, Đào Trinh Nhất là nhà viết báo đi đến đâu gây dựng đến đó, găm thật không sai!; Ở Nam Kỳ, khi tờ *Mai* của Đào Quân lịm rồi, tờ *Văn Lang*, cơ quan của một nhóm bác sĩ cũng chết theo...; Ở Trung Kỳ, ngoài tờ *Tiếng Dân* danh tiếng, còn đếm được: *Tràng An*, *Sông Hương*, *Đất Việt*, *Bạn đường*, hiện chết hầu hết. Thật là buồn!” (Kiều Thanh Quế, 2009: 177).

Khi cần thiết, Kiều Thanh Quế không chỉ làm công việc kiểm kê, điểm danh đội ngũ mà đưa ra những phân tích dù gọn gẽ nhưng cho thấy một cái nhìn sắc sảo. Ở phóng sự, ông đánh giá cao Vũ Trọng Phụng: “Vũ Trọng Phụng khi hãy còn trẻ tuổi đã thành danh. Bằng một giọng văn lối đời, ông cho ta biết, các ngón bạc bịp của nghề cờ gian bạc lận ở Bắc Kỳ (*Cạm bẫy người*), nghề lấy lính lê dương (*Kỹ nghệ lấy Tây*), nghề làm đĩ (*Lục si*), nghề ở mướn (*Cơm thầy*). Với thiên phóng sự sau này, Vũ Trọng Phụng đã phải để bộ óc triết nhân, ‘mặc bộ đồ thẳng quít’, ‘trong khi đi hái tài liệu trong cái thế giới con sen, thẳng

quít'... và rằng, 'lối phóng sự' của tác giả *Hà Nội làm than, Đêm sông Hương* là lối 'phóng sự ghi chép' khác hẳn lối 'phóng sự làm vui độc giả' của Vũ Trọng Phụng" (Kiều Thanh Quế, 2009: 192)...

Cấu trúc phê bình trong *Ba mươi năm văn học*

Xuất phát từ tâm thế hướng tới đáp ứng nhu cầu thị hiếu của bạn đọc đương thời, tiếp cận những phong cách hiện đại thông qua kinh nghiệm của văn học phương Tây, những sáng tác cũng như dịch, phê bình của Kiều Thanh Quế có được vị trí riêng biệt. Điểm nổi bật của những bài phê bình trong *Ba mươi năm văn học* chính là ở lối kết cấu.

Nhiều bài viết trong *Ba mươi năm văn học* có cùng một kiểu cấu trúc bài viết, ông thường đưa khái niệm, sau đó trích những ý kiến kinh điển rồi triển khai bằng những minh chứng thuyết phục, những tác phẩm có tính đại diện và bao quát... Trong bài phê bình về kịch bản, ông mở đầu bằng câu hỏi "Thế nào gọi là kịch?", rồi dẫn giải: "Kịch, ta có thể coi như là tinh túy của văn chương. Tôi thường ví tiểu thuyết như một chiếc bánh mà người ta cứ dọn nguyên để đãi khách, cả trong lẫn ngoài, cả ruột lẫn vỏ. Trái lại, kịch chỉ là một lát bánh thôi, nhưng phải chọn lựa kỹ lưỡng, phải biết cắt thế nào cho khéo léo, để người ta ăn ít mà thấy dư vị đậm đà, rồi lại suy nghĩ ra mà hiểu rõ sự ngon lành của cả chiếc bánh. Đó là hai thể cách khác nhau như thế. Đến như về văn chương, nhà tiểu

thuyết cần nhứt là cái duyên kể chuyện: còn nhà soạn kịch lại phải có cái khiếu về lối văn nói chuyện"⁽¹⁾.

Ở thể loại phóng sự, ông dẫn lời một nhà viết báo Pháp trứ danh: "Nếu chưa biết bút chiến, chưa phải là nhà viết báo". Bút chiến tuy có nhiều lối nhưng có thể tóm tắt lại hai lối là: bút chiến về người là một lối bút chiến dễ dàng, còn bút chiến về việc là một lối bút chiến mà đến những tay sành sỏi về nghề viết báo cũng đều nhận là khó" (Kiều Thanh Quế, 2009: 192).

Kiều Thanh Quế lựa chọn những ý kiến, bình luận để làm "đòn bẩy" cho những lập luận và dẫn chứng của mình khi triển khai bài phê bình. Khi viết về thơ ca, ông dẫn ra ý kiến của Lưu Trọng Lư trong báo *Phụ nữ Tân văn* năm 1932, và cho đó là sự rụt rè dưới một thư danh, viết cổ động cho thơ mới: "Cái lối thơ mới của chúng ta là đương ở vào cái thời kỳ phôi thai, thời kỳ tập luyện và nghiên cứu. Không biết rồi đây, nó có đến chỗ thành công hay là nửa đường bị đánh đổ. Đó là sự bí mật của lịch sử văn học mai sau! Dầu thế nào, nó cũng có cái giá trị là giúp cho tự do phát triển của thi ca, đưa thi ca đến một chỗ cao xa, rộng lớn, nó như thúc giục, như kêu gọi, như kêu gọi nhà thi nhân ra làm một cuộc canh tân, dầu có thất bại, thất bại vì lòng mong ước quá cao, thì nó cũng đã hiến cho ta một cái công lớn: nó chính là một tiếng chuông cảnh tỉnh làng thơ giữa lúc đương triển miên trong cõi chết..." (Kiều Thanh Quế, 2009: 183). Đặc

biệt, ông thường kết thúc bài viết bằng những gợi mở với lối diễn đạt tự nhiên.

Trong bài *Lịch sử, địa chí* sau khi ông liệt kê: về sách địa chí, không kể các sách chữ Hán⁽²⁾, riêng về sách quốc ngữ, chúng tôi được biết mấy bộ *Sadec nhân vật chí, Vĩnh Long nhân vật chí* ở Nam Kỳ, nhưng theo thiện ý, chưa bộ nào làm đúng phương pháp có địa đồ đảng hoàng như hai bộ *Hưng Yên địa chí, Bắc Giang địa chí* của ông Nhật Nham Trịnh Như Tấu” và: “Nghe đâu hiện Nhật Nham tiên sanh còn đang lo viết thêm cuốn *Bắc Ninh địa chí* nữa để làm giàu văn học quốc ngữ về kho sách địa chí” (Kiều Thanh Quế, 2009: 199)...

Vì là một nhà nghiên cứu tiếp cận được với văn học phương Tây, ông thể hiện rõ quan điểm về dịch thuật. Mở đầu bài viết về dịch thuật là những khẳng định về sức mạnh của một nền văn học khi có sự tiếp sức của dịch thuật: “Nhưng ngày nay, văn học quốc ngữ đã phát thịnh, thiết tưởng cần phải nói: ‘nước ta sau này hay dở thế nào đều nhờ ở sách dịch’. Dịch giả tuy ý tưởng không bằng tác giả, nhưng phải thâm thấu được chỗ tinh thần của nguyên văn, lại phải có văn tài tương đương với tác giả mới không sai lầm và không đổ mất nguyên văn. Dịch sách cũng như vẽ truyền thần, bức tranh truyền thần không phải là bức ảnh chụp, nhưng hai cái vẫn là một. Không những đúng nhau từng từng nét mà lại phải đúng nhau cả tinh thần dáng điệu nữa, dịch sách mà

không thể thì không đem được cả toàn thần của nguyên văn do thứ tiếng nọ sang thứ tiếng kia cho linh hoạt như một được” (Kiều Thanh Quế, 2009: 205)... Đến phần cuối bài viết, ông nhấn mạnh: “Trên kia, đã viết: ‘nước ta sau này hay dở thế nào đều nhờ ở sách dịch’, ở đây, tưởng nên chép lại và thêm cho đầy đủ như vậy: ‘Nước ta sau này hay dở thế nào đều nhờ ở sách dịch, và sự phiên dịch nó là nòng cốt khả dĩ đưa văn học quốc ngữ đến cõi hoàn mỹ’.

Sách dịch muôn năm!

Sự phiên dịch muôn năm!

Văn học quốc ngữ muôn năm” (Kiều Thanh Quế, 2009: 207).

Không chỉ có đặc trưng về cấu trúc, phong cách ngôn ngữ trong phê bình của ông cũng gây chú ý bởi sự linh hoạt, lối viết gọn ghẽ và mạch lạc. Bên cạnh lối diễn đạt thẳng, gọn và trực diện đề cập đến vấn đề như “Làng thơ mới (mới lẫn cũ) của văn học quốc ngữ trong vòng mười năm nay đếm được...” là những lựa chọn lời bình của những nhà nghiên cứu phương Tây mà ông lĩnh hội được, hầu hết đều rất dễ tiếp nhận. Trong thơ ca, “Thơ cũng như mọi sự vật khác trong vũ trụ cũng có sanh mạng, cũng có lịch sử dinh hư tiêu trưởng của nó, cũng phải hiện lịch trình biện chứng (processus dialectique) thì có lạ gì sự mới cũ phân tranh. Trái trở lại, lại còn phải nhận rằng đến một cái quá trình kia, thì thơ mới bây giờ sẽ già cõi mà bị mời vào trong viện cổ vật học”⁽³⁾. Trong tiểu thuyết: “Muốn

làm mới dân một nước, cần phải hăng làm mới tiểu thuyết nước ấy. Cho nên:

- Muốn mới đạo đức, trước phải mới tiểu thuyết.
- Muốn mới tôn giáo, trước phải mới tiểu thuyết.
- Muốn mới chánh trị, trước phải mới tiểu thuyết.
- Muốn mới học thuật, trước phải mới tiểu thuyết.
- Cho đến muốn mới dân tâm, trước phải mới tiểu thuyết.
- Muốn mới nhân cách, trước phải mới tiểu thuyết.

Vì sao vậy?

Vì tiểu thuyết có một sức mạnh chi phối người ta⁽⁴⁾.

Vai trò của *Ba mươi năm văn học* trong sự nghiệp của Kiều Thanh Quế và trong phê bình văn học đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ

Trong bài viết *Kiều Thanh Quế - nhà nghiên cứu, phê bình văn học* (Kiều Thanh Quế, 2009), các tác giả biên soạn đã dành sự đánh giá ghi nhận vai trò của Kiều Thanh Quế trong tiến trình phát triển và hiện đại hóa văn học Nam Bộ những năm đầu thế kỷ XX. Theo đó: sự nghiệp văn học của Kiều Thanh Quế khá phong phú, bao gồm nhiều kiểu loại văn thể khác nhau, như sáng tác tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện ký; viết nghiên cứu, phê bình, biên khảo, trao đổi, đọc sách, điểm sách, dịch thuật; nghiên cứu theo đối tượng tác gia, tác phẩm, thể loại, giai đoạn và trào lưu; khảo cứu

văn học sử Việt Nam từ dân gian tới trung đại và đặc biệt quan tâm giai đoạn văn chương đầu thế kỷ XX; mở rộng khảo sát văn học Việt Nam trong mối liên hệ tiếp nhận, ảnh hưởng và so sánh với một số hiện tượng văn học tiêu biểu thuộc các nước Ấn Độ, Nga Xô viết, Pháp, Trung Quốc...

Ở giai đoạn đó, Kiều Thanh Quế cộng tác với báo *Mai* do Đào Trinh Nhất làm chủ bút, đã có những bài phê bình thẳng thắn, sắc sảo nhờ kiến văn rộng, lối viết linh hoạt, súc tích. Những công trình như *Phê bình văn học* (1942), *Ba mươi năm văn học* (1942), *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* (1943), *Thi hào Tagore* (1943)... đã làm cho Kiều Thanh Quế xứng đáng có được một vị trí quan trọng trong tư cách một nhà phê bình. *Ba mươi năm văn học* (ký tên Mộc Khuê, 128 trang) đã phác thảo một diện mạo khá đầy đủ sự tiến hóa văn học của nước ta từ 1914 đến 1941, với 9 mục tương ứng với thể loại, thể tài, đề tài: Báo chí - Thơ ca - Tiểu thuyết - Phóng sự - Kịch bản - Lịch sử, địa chí - Khảo cứu, nghị luận - Phê bình - Dịch thuật - và cuối cùng là phần Phụ lục (Chuyện buồn cười ở làng báo Nam Kỳ ngày xưa).

Diện mạo văn học trong suốt 30 năm được khái quát sơ lược mà đủ đầy, không thiếu những điểm nhấn đáng kể. Tuy nhiên, ý nghĩa của cuốn sách không dừng ở đó. Thực chất công việc tính sổ văn học của ông đã "đi xa hơn trong dự định muốn phác thảo một lịch trình diễn tiến văn học dân tộc. Ông không làm công việc như Lê

Thanh là phỏng vấn trực tiếp các nhà văn, mà ngược lại, đặt các nhà văn vào từng khuynh hướng, từng thời kỳ văn học và tìm hiểu nhà văn trong mối quan hệ với toàn cảnh của đời sống văn học” (Kiều Thanh Quế, 2009: 24).

Có thể thấy, nếu dòng văn học yêu nước được tiến hành bởi các nhà nho Nam Bộ, là sự kế thừa truyền thống vốn có lâu đời trong văn học dân tộc, thì dòng văn học hiện đại chữ quốc ngữ latin, được khai phá bởi các trí thức Tây học, là sự bứt phá truyền thống về cơ bản, vượt lên không gian mang tính chất vùng Đông Nam Á để bước dần vào đời sống văn hóa hiện đại phương Tây (Nguyễn Thị Thanh Xuân, 2018: 10), mà Kiều Thanh Quế là một trong những nhân vật đã đánh giá đúng, đề cao vai trò của văn học dịch, bởi nó đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển nền văn chương tiếng Việt và thể loại văn học, và rằng, trong đời sống văn học hiện thời cần có thêm nhiều tác phẩm văn học dịch hơn nữa... Chính bởi tâm thế tiếp cận cái mới, đón gió bốn phương nên trong phê bình của Kiều Thanh Quế có được sự hiện đại, chắc chắn: “Trên văn đàn văn học Nam Kỳ, ông đã chiếm một địa vị kha khá nhờ hai tai rất thính của ông. Chẳng những ông đón tiếp phong trào mau lẹ, ông cũng là một người khơi nguồn phong trào ấy” (Dẫn theo Phan Mạnh Hùng, 2007: 62).

Lựa chọn mốc 1914 là điểm xuất phát để “tính sổ”, khảo sát, *Ba mươi năm*

văn học (1914 - 1941) của Kiều Thanh Quế như ngẫm khảng định một dấu mốc có ý nghĩa bản lề trong tiến trình hiện đại hóa văn học Nam Bộ. Bởi nếu trước năm 1913, văn học Nam Bộ gần như là một bộ phận độc lập, bởi tính chất “đi trước” của mình, thì từ 1913 trở đi, bộ phận văn học này đã liên thông hòa nhập vào đời sống chung của văn học Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, có thể nảy sinh câu hỏi hoài nghi “liệu có chẳng cái gọi là nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học ở Nam Bộ” (Nguyễn Thị Thanh Xuân, 2018: 11).

Đến nay, Kiều Thanh Quế cũng như những công trình của ông vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu, đào sâu. *Ba mươi năm văn học* không chỉ có ý nghĩa trong sự nghiệp của Kiều Thanh Quế mà còn trong phê bình văn học đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ. Những trường hợp như Kiều Thanh Quế rất cần thiết được nghiên cứu nhiều hơn nữa, như trong tổng kết của công trình *Nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học ở Nam Bộ thời kỳ 1865 - 1954* cho rằng: Một đời sống học thuật thành công phải có những tác giả thành danh. 27 tác giả có công trình nghiên cứu (trong đó có Kiều Thanh Quế), tuy chưa phải là tất cả, bởi người cầm bút xuất hiện hàng ngày trên trang báo trong 90 năm có đến con số hàng trăm, nhưng đây là những khuôn mặt tiêu biểu. Tính tiêu biểu được xác định qua số lượng và chất lượng tác phẩm, qua vai trò tác động vào đời sống văn học, qua sự thừa nhận của công

chúng. Công trình nghiên cứu này góp phần làm sáng tỏ hơn những khuôn mặt còn bị chìm khuất trong lớp bụi thời gian, ghi nhận công lao văn hóa

của họ, mong mỗi nhìn thấy họ sớm được bổ sung vào văn học sử nước nhà (Nguyễn Thị Thanh Xuân, 2018: 813).□

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Lời Vi Huyền Đắc nói với Bùi Thế Mỹ trong khi Bùi quân về chơi đất Bắc, ghé lại Hải Phòng thăm Vi quân (Xem *Dân báo* ngày 11/3/1941).

⁽²⁾ Năm Thiệu Bình thứ hai (1435) Nguyễn Trãi viết quyển *Dư địa chí*, biên tập về quốc biên, kinh đô nước nhà, cả đến những nghi lễ ấn định việc cống phứ ở triều Lê. Trịnh Hoài Đức làm sách *Gia Định thống chí* chia làm 6 mục: Tinh dã chí, Sơn xuyên chí, Cương vực chí, Phong tục chí, Sản vật chí, Thành trì chí.

Dưới triều Tự Đức, Quốc sử quán có soạn bộ *Đại Nam nhất thống chí*, biên tập về nhiều tỉnh trong xứ như: Bắc Ninh tỉnh, Hưng Yên tỉnh...

⁽³⁾ Phan Văn Hùm: Bài tựa quyển *Nói chuyện về thi mới thi cũ* của Nguyễn Văn Hanh, 1935.

⁽⁴⁾ Của Lương Khải Siêu, do Trúc Khê diễn quốc âm.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. *Dân báo*. 1941, số ra ngày 11 tháng 3.
2. Đoàn Lê Giang. 2006. “Văn học Quốc ngữ Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến 1945 - thành tựu và triển vọng nghiên cứu”. *Nghiên cứu Văn học*, số 7, tr.3-15.
3. Hoài Anh. 2001. “Kiều Thanh Quế - nhà phê bình văn học hiếm có của Nam Bộ”, trong *Chân dung văn học*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn, tr. 923-939.
4. Kiều Thanh Quế. 2009. *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* (Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng biên soạn, giới thiệu). Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
5. Nguyễn Thị Thanh Xuân (chủ biên). 2018. *Nghiên cứu, lí luận, phê bình văn học ở Nam Bộ thời kỳ 1865 - 1954*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
6. Nguyễn Trãi. 1435. *Dư địa chí*. Phan Duy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính và chú thích. TPHCM. Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM. 2019.
7. Phan Mạnh Hùng. 2007. “Kiều Thanh Quế - Nhà nghiên cứu văn học”. *Nghiên cứu Văn học*, số 3.